

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-10-2019
“Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Đào

Ông Nguyễn Thành Thật

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 240/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị T, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: ấp An T, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Danh Minh C, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 09/9/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị T trình bày:

Vào năm 2010, chị kết hôn cùng với anh Danh Minh C. Hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được hơn 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, có nhiều bất đồng trong cách sống, sinh hoạt nên vợ chồng đã tự ly thân gần hơn 01 năm. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn với nhau.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên: Danh Huỳnh P – sinh ngày 10/10/2011, hiện nay đang sống cùng với chị.

Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, cũng không có thiếu nợ ai.

Tại phiên tòa, chị Thị T xin được ly hôn với anh Danh Minh C; về con chung, chị xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/9/2019 và Biên bản hòa giải ngày 20/9/2019, bị đơn anh Danh Minh C thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian hôn nhân, vợ chồng không có đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung, nợ chung và mâu thuẫn vợ chồng nên anh không trình bày gì thêm.

Nguyên vọng, anh C đồng ý ly hôn với chị T; về con chung, anh đồng ý giao con cho vợ nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Danh Minh C được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

[2] Về hôn nhân: Chị Thị T và anh Danh Minh C xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống cho đến nay, anh chị cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là đã vi phạm quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh chị đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau. Xét, hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp nên căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Thị T và anh Danh Minh C có 01 con chung tên Danh Huỳnh P – sinh ngày 10/10/2011, hiện đang sống cùng với chị T nên chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh C thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao cháu Danh Huỳnh P cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cháu P cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị T. Xét sự tự nguyện thỏa thuận này của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX ghi nhận. Chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh C xác định anh chị không có tài sản chung cũng không có thiếu nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000đ chị T phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Thị T và anh Danh Minh C là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Thị T và anh Danh Minh C về việc: Giao con chung tên Danh Huỳnh P – sinh ngày 10/10/2011 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Danh Minh C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật..

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Thị T phải chịu án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005729, ngày 09/09/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Thị T đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/10/2019). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Kim Nhậ